TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 05 - 6 - 2018
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Hữu
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Răng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 về việc "Xin ly hôn".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị Thùy D , sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Xã N, huyện H, tỉnh B.
- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn Tr, sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Xã T, huyện Th, tỉnh C.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Trịnh Thị L , sinh năm 1968 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Xã T, huyện Th, tỉnh C.
2. Bà Võ Thị Ph , sinh năm 1977 (có mặt)
3. Ông Huỳnh Văn T , sinh năm 1973 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông T : Bà Võ Thị Ph là người đại diện theo ủy quyền của ông T tại văn bản ủy quyền ngày 15 tháng 01 năm 2018
Cùng địa chỉ cư trú: Xã N, huyện H, tỉnh B.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn là anh Phạm Văn Tr.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Th trình bày:

Về hôn nhân: Chị D với anh Tr được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh C vào ngày 24/02/2017, thời gian chung sống do anh Tr thường xuyên đi chơi, chơi game, không quan tâm

đến vợ con, ghen tuông vô cớ, xúc phạm chị D , không tôn trọng cha mẹ chị, Chị D góp ý thì anh Tr chửi bới, đánh đập. Chị D với anh Tr đã ly thân từ tháng 6/2017 (âm lịch) cho đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn để chị với anh Tr đoàn tụ nhưng không thành. Chị D xét thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Tr được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Tr .

Về con chung: Chị D với anh Tr có một người con chung là Phạm Long H , sinh ngày 28/4/2016 (giới tính nam), hiện anh Tr đang nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn Chị D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Long Hồ, vì Chị D có đủ điều kiện về kinh tế, trình độ học vấn đảm bảo cho cháu Hồ phát triển tốt khi ở với chị. Chị D không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong ngày cưới gia đình anh Tr có cho một sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k, một chiếc lắc 10 chỉ vàng 24k, một đôi bông tai 08 phân vàng 18k, một chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, một cặp nhẫn cưới 07 phân vàng 18k.

Số tài sản trên mẹ chồng chị là bà L có mượn một đôi bông tai 08 phân vàng 18k, một chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k. Khi mượn không có làm giấy tờ. Bà L chưa trả lại số tài sản trên cho vợ chồng chị. Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết số tài sản này. Còn lại 20 chỉ vàng 24k mẹ ruột Chị D là bà Ph có mượn, nhưng sau đó bà Ph trực tiếp trả cho Chị D xong. Chị D đã bán hết 20 chỉ vàng 24k để chi phí sinh nở và nuôi con, còn lại số tiền 17 triệu đồng chị đang quản lý. Chị D tự nguyện giao lại cho anh Tr 10 triệu đồng còn lại 07 triệu đồng chị yêu cầu được quản lý để chi phí nuôi dưỡng con chung sau này.

Bị đơn anh Phạm Văn Tr trình bày:

Anh Tr thống nhất theo phần trình bày của Chị D về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, anh Tr bổ sung ý kiến:

Về hôn nhân: Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do mẹ vợ anh mượn vàng của vợ chồng, anh có hỏi Chị D về số vàng trên thì dẫn đến vợ chồng cự cãi, Chị D uống thuốc tự tử, từ đó mâu thuẫn cho đến nay. Gia đình anh Tr có đến nhà Chị D hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả do Chị D không đồng ý quay về chung sống với anh Tr . Nay anh Tr thống nhất ly hôn với chị D .

Về con chung: Do con anh là Phạm Long H còn nhỏ nên anh Tr thống nhất giao cháu Hồ cho Chị D nuôi dưỡng, anh Tr không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất số tài sản gia đình anh cho trong ngày cưới như Chị D trình bày, gồm một sợi dây chuyền 10 chỉ vàng 24k, một chiếc lắc 10 chỉ vàng 24k, một đôi bông tai 08 phân vàng 18k, một chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, cho trước khi kết hôn và một cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18k.

Số tài sản trên cha, mẹ vợ của anh là ông T , bà Ph đã mượn 20 chỉ vàng 24k, mượn sau khi Chị D sinh con được một tháng, thời gian sau này anh có đòi lại nhưng ông T , bà Ph có hứa nhưng không trả. Anh yêu cầu bà Ph , ông T trả lại cho vợ chồng anh 20 chỉ vàng 24k để chia đôi. Số tài sản còn lại vợ chồng anh đã bán tiêu xài một chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k, đôi bông tai Chị D cầm cố chưa chuộc lại, một cặp nhẫn cưới 01 chỉ vàng 18k Chị D đang quản lý. Đôi bông tai và cặp nhẫn cưới anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh chỉ yêu cầu chia đôi 20 chỉ vàng 24k như đã trình bày nêu trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị L trình bày:

Bà L xác định không có mượn một đôi bông tai 08 phân vàng 18k và một chiếc nhẫn 01 chỉ vàng 24k như Chị D trình bày. Số tài sản này Chị D và anh Tr tự cầm cố, bán tiêu xài, bà còn giữ giấy cầm vàng đứng tên chị D . Nay bà không thống nhất trả lại số tài sản này theo yêu cầu của chị D .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Ph trình bày:

Bà Ph xác định trước đây vợ chồng bà có mượn của Chị D và anh Tr 20 chỉ vàng 24k. Bà Ph đã trả xong số vàng nêu trên cho chị D , lúc trả không có anh Tr . Nay bà không thống nhất trả lại 20 chỉ vàng 24k như yêu cầu của anh Tr vì bà đã trả xong cho chị D .

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Văn T .

Áp dụng Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 59, các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Th với anh Phạm Văn Tr.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của Chị D với anh Tr về việc giao con chung là cháu Phạm Long H , sinh ngày 28-4-2016 (giới tính nam) cho Chị D nuôi dưỡng. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Tr có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Phạm Văn Tr về việc yêu cầu chia tài sản chung. Buộc Chị D giao lại cho anh Tr số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), Chị D được tiếp tục quản lý số tiền 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất do chậm trả, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 02 năm 2018 anh Tr có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm yêu cầu ông T , bà Ph trả lại vợ chồng anh 20 chỉ vàng 24K để chia đôi mỗi người 10 chỉ vàng 24K.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Tr giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Tr , giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về mối quan hệ hôn nhân và con chung các đương sự trong vụ kiện không kháng cáo, không bị kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của anh Phạm Văn Tr yêu cầu ông T , bà Ph trả 20 chỉ vàng 24k để chia anh Tr và Chị D mỗi người ½ số vàng đó. Xét thấy ông T , bà Ph mượn anh Tr , Chị D số vàng 20 chỉ vàng 24k là thực tế có xảy ra được các bên thừa nhận. Nhưng ông T , bà Ph cho rằng ông bà đã trả hết số vàng cho chị D , khi đó anh Tr , Chị D còn chung sống nhưng lúc này không có mặt anh Tr . Chị D cũng thừa nhận ông T , bà Ph đã trả số vàng trên cho chị, đây là tài sản chung của vợ chồng, chị D nhận quản lý là phải chịu trách nhiệm số tài sản chung này. Chị D cho rằng đã bán hết số vàng trên để nuôi con và trị bệnh cho chị, hiện tại chỉ còn 17.000.000 đồng, án sơ thẩm dựa vào lời khai chủa Chị D chấp nhận là chưa phù hợp. Tuy nhiên, tại hồ sơ vụ án có thể hiện một số hóa đơn trị bệnh cho Chị D và toa thuốc trị bệnh cho cháu Long H nhưng không nhiều, riêng trị bệnh cho cháu Long H là trị theo chế độ bảo hiểm, do đó không thể chi hết số tiền lớn như Chị D khai. Mặt khác, thời gian chị trực tiếp nuôi con khoảng từ tháng 6 đến tháng 11 năm 2017, từ tháng 11/2017 cho đến nay anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận chia cho anh Tr 10.000.000 đồng là chưa đảm bảo quyền lợi của anh Tr , hơn nữa, tài sản này là nữ trang khi cưới, việc ly hôn là do bất đồng mâu thuẫn của đôi bên nên án phúc thẩm buộc Chị D giao cho anh Tr 07 chỉ vàng 24k là phù hợp với thực tế, có chiếu cố đến quyền lợi của Chị D trong thời gian ly thân có bệnh và nuôi con đã chi 06 chỉ vàng 24K, nên số vàng còn lại 14 chỉ được chia đôi.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn Tr.

Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình về phần tài sản chung:

Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Phạm Văn Tr về việc chia tài sản chung. Buộc chị Huỳnh Thị Th giao lại cho anh Tr 07 chỉ vàng 24k (bảy chỉ vàng 24k), Chị D được tiếp tục quản lý sử dụng số vàng 07 chỉ vàng 24k (bảy chỉ vàng 24k).

Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân và gia đình Chị D phải chịu 300.000 đồng, ngày 27/7/2017 chị có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0018729 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu.

Án phí chia tài sản có giá ngạch Chị D phải chịu 1.155.000 đồng, ngày 25/8/2017 chị có nộp tạm ứng án phí 1.800.000 đồng tại biên lai số 0018752 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu đối trừ, số tiền còn lại chị được nhận lại. Anh Tr phải chịu án phí chia tài sản có giá ngạch 1.155.000 đồng, ngày 16/01/2018 anh có nộp tạm ứng án phí 905.000 đồng tại biên lai thu số 0018982 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu, còn 250.000 đồng anh phải nộp tiếp.

Án phí phúc thẩm: Anh Tr không phải chịu, anh có dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0005278 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Trọng Hữu